

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÓM TẮT**QUÝ II/2009****A- BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN :**

STT	NỘI DUNG	SỐ DƯ ĐẦU KỲ	SỐ DƯ CUỐI KỲ
I-	Tài sản ngắn hạn :	18,697,634,995	18,182,006,188
1	Tiền và các khoản tương đương tiền :	6,019,187,438	2,683,849,215
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	4,467,916,178	7,338,635,414
4	Hàng tồn kho	7,382,617,389	7,248,152,572
5	Tài sản ngắn hạn khác:	827,913,990	911,368,987
II-	Tài sản dài hạn :	23,811,042,023	23,821,977,816
1	Các khoản phải thu dài hạn		
2	Tài sản cố định	8,908,865,831	8,436,494,179
	- Tài sản cố định hữu hình	8,843,941,300	8,382,212,148
	- Tài sản cố định vô hình	64,924,531	54,282,031
	- Tài sản cố định thuê tài chính		
	- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		
3	Bất động sản đầu tư	1,614,333,963	1,519,131,363
4	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	12,014,000,000	12,014,000,000
5	Tài sản dài hạn khác	1,273,842,229	1,852,352,274
III-	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	42,508,677,018	42,003,984,004
IV-	Nợ phải trả	11,034,511,185	11,300,210,586
1	Nợ ngắn hạn	11,228,137,535	11,969,894,936
2	Nợ dài hạn	(193,626,350)	(669,684,350)
V-	Vốn chủ sở hữu	31,474,165,833	30,703,773,418
1	Vốn chủ sở hữu	31,651,582,179	30,625,874,752
	- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	29,000,000,000	29,000,000,000
	- Thặng dư vốn chủ sở hữu		
	- Vốn khác của chủ sở hữu		
	- Cổ phiếu quỹ		
	- Chênh lệch đánh giá lại tài sản		
	- Chênh lệch tỷ giá hối đoái		
	- Các quỹ	1,173,482,341	1,388,848,557
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	1,478,099,838	237,026,195
	- Nguồn vốn đầu tư XDCB		
2	Nguồn kinh phí và quỹ khác	(177,416,346)	77,898,666
	- Quỹ khen thưởng và phúc lợi	(177,416,346)	77,898,666
	- Nguồn kinh phí		
	- Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ		
VI	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	42,508,677,018	42,003,984,004

B. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH :

STT	CHỈ TIÊU	QUÝ II/2009	LŨY KẾ
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	14,589,470,905	24,475,186,123
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	1,207,708	3,834,366
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	14,588,263,197	24,471,351,757
4	Giá vốn hàng bán	12,239,180,109	21,041,015,934
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	2,349,083,088	3,430,335,823
6	Doanh thu hoạt động tài chính	73,277,891	972,388,853
7	Chi phí tài chính	27,892,697	543,318,890
8	Chi phí bán hàng	470,675,332	781,240,808
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	1,725,621,376	2,818,697,085
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	198,171,574	259,467,893
11	Thu nhập khác		
12	Chi phí khác	24,503,616	48,803,616
13	Lợi nhuận khác	(24,503,616)	(48,803,616)
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	173,667,958	210,664,277
15	Chi phí thuế TNDN hiện hành	48,950,373	48,950,373
16	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	124,717,585	161,713,904
17	Lãi cơ bản trên cổ phiếu		
18	Cổ tức trên mỗi cổ phiếu		

KẾ TOÁN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC CÔNG TY

(Đã ký)

LÊ THỊ NGỌC THỦY

NGUYỄN VĂN THÀNH

